

Bản án số: 01/2016/HC-PT
Ngày : 10/6/2016
*V/v khởi kiện quyết định hành
chính về giải quyết tranh chấp đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Tuyết Mai

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Công Thái
2. Ông Bé Lãng Thành

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hứa Huyền Trang – Cán bộ Tòa án nhân tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 6 năm 2016 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2016/TLPT-HC ngày 29 tháng 3 năm 2016 về việc khởi kiện quyết định hành chính về giải quyết tranh chấp đất đai.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2016/HC-ST ngày 25 tháng 02 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2016/ QĐPT-HC ngày 28 tháng 4 năm 2016 giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Ông Lý Văn B (*đã chết*)

- **Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng:**

1. Bà Triệu Thị S (vợ ông B) - Sinh năm 1956;
2. Ông Lý Văn S1 (con ông B) - Sinh năm 1977;
3. Ông Lý Văn S2 (con ông B) - Sinh năm 1981;
4. Ông Lý Văn O (con ông B) - Sinh năm 1989;

Đều trú tại: Thôn B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền của người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng:
Bà Triệu Thị S (Có mặt), ông Lý Văn S1 (Có mặt).

* **Người bị kiện:**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nông Văn T - Phó chủ tịch UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn – (văn bản ủy quyền số 785/GUQ-UBND ngày 14/7/2014 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn). Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Triệu Huy C - Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện C, tỉnh Bắc Kạn (văn bản ủy quyền số 1274/GUQ-UBND ngày 13/10/2015 của Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn). – Có mặt

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Ngọc Đình T, sinh năm 1956. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Lương Văn D, sinh năm 1978. Có mặt

Đều trú tại: Thôn B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* **Người làm chứng:**

1. Ông Mã Văn P, sinh năm 1928. Vắng mặt có lý do.

2. Ông Chu Huy C, sinh năm 1926. Có mặt

Đều trú tại: Thôn B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* **Người kháng cáo:**

Bà Triệu Thị S và ông Lý Văn S1.

NHẬN THẤY

Theo bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* ***Theo đơn khởi kiện của người khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng: Bà Triệu Thị S và ông Lý Văn S1 trình bày:***

Gia đình ông, bà khởi kiện quyết định hành chính số 2374/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Lý Văn B với hộ ông Ngọc Đình T và hộ ông Lương Văn D.

Nội dung quyết định:

1. Không chấp nhận việc đòi quyền sử dụng đất của hộ ông Lý Văn B đối với thửa đất số 306 và 348, tờ bản đồ số 50 được đo đạc năm 1998 của thị trấn B, huyện C.

2. Hộ ông Ngọc Đình Thân được sử dụng 219 m² đất chuyên trồng lúa nước (LUC) tại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 50 đo đạc năm 1998.

3. Hộ ông Lương Văn D được sử dụng 420 m² đất chuyên trồng lúa nước (LUC) tại thửa đất số 306, tờ bản đồ số 50 đo đạc năm 1998 của thị trấn B, huyện C.

Lý do khởi kiện: Nguồn gốc đất trên là của gia đình ông, bà trước đây khai phá làm đất vườn trồng hoa màu, sau đó nộp vào Hợp tác xã để quản lý, Hợp tác xã khai phá thành hai thửa ruộng và giao cho ông L(bố ông Lương Văn D) và ông T (anh trai ông Ngọc Đình T) làm ruộng 5%. Sau khi hợp tác xã giải thể do lúc đó gia đình ông bà con còn nhỏ chưa có nhu cầu sử dụng nên đã cho hộ ông Ngọc Đình T và hộ ông Lương Văn D mượn canh tác, đến năm 2013 gia đình ông, bà đến yêu cầu hai hộ trên lấy lại đất thì xảy ra tranh chấp.

Quá trình giải quyết đơn thư: Gia đình ông bà đã có đơn đề nghị giải quyết lên các cấp có thẩm quyền, bắt đầu từ thôn bản, UBND thị trấn B, UBND huyện C. Qua các buổi làm việc hòa giải không thành. Gia đình ông, bà có cung cấp bản đồ địa chính năm 1998, tại thời điểm trên gia đình bà có người đại diện ghi tên tại thửa đất trên bản đồ để đăng ký kê khai cấp sổ là ông Vy Trung T (anh rể bà Triệu Thị S), hộ ông Lương Văn D ghi tên ông Lương Văn L(bố ông Lương Văn D) vì thế tranh chấp đã xảy ra từ năm 1998. Sau đó lại tiếp tục tranh chấp giữa chị gái bà Triệu Thị S và hộ ông Ngọc Đình T, nhưng do nề nang tình cảm anh em nên vợ chồng bà đã đến can ngăn hai bên, bản thân ông, bà thấy nếu giao đất cho Hợp tác xã quản lý thì ông, bà không có ý kiến gì nhưng UBND huyện C lại giao đất cho hộ ông Ngọc Đình T và hộ ông Lương Văn D sử dụng trong khi hộ ông Ngọc Đình T và hộ ông Lương Văn D không có giấy tờ gì theo quy định tại Điều 49 và Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì gia đình ông, bà không nhất trí, hơn nữa Công văn số 14/UBND-VP ngày 05/01/2012 của UBND huyện C nói rõ trong sổ đất được bồi thường giải phóng mặt bằng trên có một phần đất ông cha của gia đình ông, bà sau khi nhập Hợp tác xã. Như vậy, Công văn đã khẳng định nguồn gốc đất đang tranh chấp trước đó là của ông cha ông, bà nên ông bà đề nghị được sử dụng 01 trong 02 thửa đất trên.

Vì vậy ông Lý Văn B khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

****Tại văn bản số 777/UBND-TNMT ngày 17/7/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C; Các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:***

Việc tranh chấp giữa hộ Lý Văn B với hộ ông Đình Ngọc T, Lương Văn D được xem xét, giải quyết theo đúng Điều 135 của Luật Đất đai 2003 và các quy định của pháp luật cụ thể:

Ngày 03/02/2013 tổ hòa giải thôn B đã tiến hành hòa giải giữa hộ ông Lý Văn B với hộ ông Ngọc Đình T nhưng không thành, nên hồ sơ đã chuyển đến Ủy ban nhân dân thị trấn B để giải quyết. Sau khi nhận được hồ sơ Ủy ban nhân dân thị trấn B đã tiến hành tổ chức hòa giải vào ngày 13/3/2013. Kết quả giải quyết của Ủy ban nhân dân thị trấn B không kết luận hộ nào được quyền sử dụng khu đất đó, đồng thời hồ sơ được chuyển đến Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân huyện đã giao phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tham mưu giải quyết.

Ngày 26/6/2013 phòng Tài nguyên và Môi trường làm việc với hộ ông Lý Văn B. Ngày 01/7/2013 phòng Tài nguyên và Môi trường làm việc với hộ ông Ngọc Đình T và ông Lương Văn D. Ngày 29/7/2013 phòng Tài nguyên và Môi trường làm việc với trưởng thôn B.

Ngày 04/9/2013 Ủy ban nhân dân huyện C tổ chức họp liên ngành xem xét, giải quyết tranh chấp đất đai.

Ngày 05/12/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định số 2374/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Lý Văn B với hộ ông Ngọc Đình T và hộ ông Lương Văn D cùng trú tại thôn B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, do vậy việc giải quyết được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về quá trình sử dụng đất thấy rằng: Từ năm 1975 – 1976 gia đình ông Ngọc Đình T được sử dụng đất 5% do Hợp tác xã giao cho và gia đình ông cũng được sử dụng ổn định từ giai đoạn còn Hợp tác xã đến khi Hợp tác xã giải thể và tiếp tục sử dụng đến năm 2013 thì mới xảy ra tranh chấp, về phía gia đình bà Triệu Thị S cho rằng là đất của gia đình khai phá nộp vào Hợp tác xã nhưng không có giấy tờ, không có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn B về quá trình sử dụng đất và không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc gia đình ông Lý Văn B cho hộ ông Ngọc Đình T mượn đất, năm 2011 khi Nhà Nước thu hồi đất làm đường D – thị trấn B, gia đình ông Ngọc Đình T nhận tiền đền bù gia đình ông Lý Văn B, bà Triệu Thị S không có ý kiến gì đến năm 2013 mới phát sinh tranh chấp, do vậy căn cứ khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 1 Điều 4 Nghị định 181/NĐ-CP ngày 29/10/2004. Việc đòi lại đất đã nộp vào Hợp tác xã không được pháp luật công nhận và căn cứ vào quá trình sử dụng ổn định liên tục mới đưa ra quyết định giải quyết tranh chấp trên.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lương Văn D trình bày:

Về nguồn gốc đất đang tranh chấp trước kia do bố ông để lại cho gia đình ông sử dụng và gia đình ông đã sử dụng ổn định liên tục cho đến bây giờ. Nay hộ gia đình bà Triệu Thị S, ông Lý Văn S1 đề nghị giải quyết theo hướng chia một phần đầm ruộng cho gia đình ông, bà thì ông không nhất trí, vì tại buổi hòa giải trước đây nếu đã thỏa thuận được thì không đến mức phải ra Tòa như hiện nay.

2. Ông Ngọc Đình T trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Gia đình ông được Hợp tác xã giao cho sử dụng ổn định cho đến khi Hợp tác xã giải thể, hiện nay gia đình ông vẫn đang canh tác liên tục. Thời điểm Nhà nước giải phóng mặt bằng làm đoạn đường D – thị trấn B gia đình ông được bồi thường tiền giải phóng mặt bằng cũng không thấy xảy ra tranh chấp với hộ ông Lý Văn B.

Nay gia đình ông Lý Văn B, bà Triệu Thị S đề nghị đòi lại ruộng của gia đình thì ông không đồng ý. Ông nhất trí với quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

*** Người làm chứng: Ông Mã Văn P và ông Chu Huy C trình bày:**

Hai thửa đất hiện nay đang tranh chấp có nguồn gốc trước đây là của bố mẹ ông Lý Văn B, bà Triệu Thị S khai phá, sau đó đưa vào Hợp tác xã, Hợp tác xã khai phá thành ruộng và giao cho hộ gia đình ông Ngọc Đình T và ông Lương Văn D làm ruộng phần trăm. Việc lý do hai hộ trên canh tác đất từ trước đến nay bằng hình thức gì hai ông không biết.

Sau khi thu thập các tài liệu chứng cứ và tổ chức đối thoại giữa các đương sự. Ngày 25 tháng 02 năm 2016 Tòa án nhân dân huyện C đã đưa vụ án ra xét xử và Quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 29, 103, 104 và Điều 163/Luật Tố tụng hành chính.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lý Văn B đối với quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn và yêu cầu Tòa án giải quyết chia đất để được sử dụng của người khởi kiện.

2. Giữ nguyên quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Lý Văn B với hộ ông Ngọc Đình T và hộ ông Lương Văn D.

3. Về án phí: Áp dụng Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án: Ông Lý Văn B phải chịu 200.000^d án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Lý Văn B đã nộp theo biên lai thu số 05575 ngày 25/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 08/3/2016 bà Triệu Thị S, ông Lý Văn S1 có đơn kháng cáo không nhất trí bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn hủy bản án sơ thẩm vì lý do phiên tòa sơ thẩm vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bản án không xem xét chứng cứ do người khởi kiện cung cấp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

XÉT THẤY

- **Về hình thức:** Xét kháng cáo của người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của người khởi kiện làm trong thời hạn luật định được coi là hợp lệ và được cấp phúc thẩm xem xét.

- **Về thủ tục tố tụng:** Ngày 27/01/2016 Tòa án nhân dân huyện C hoãn phiên tòa và thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 25/02/2016. Ngày 22/02/2016 ông Ngọc Đình T có đơn trình bày về việc không thể tham gia phiên tòa vì lý do bận công tác và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 132/ Luật tố tụng hành chính thì: *“Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp sau đây: 1. Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ...vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt...”*. Do vậy việc Tòa án nhân dân huyện C vẫn tiến hành xét xử vụ án khi ông Ngọc Đình T vắng mặt là đúng quy định của pháp luật, đơn kháng cáo của bà Triệu Thị S, ông Lý Văn S1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì lý do này là không có căn cứ pháp luật. Cần bác yêu cầu.

- **Về nội dung vụ án :** Xem xét Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử thấy:

* *Về thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ ông Lý Văn B, hộ ông Ngọc Đình T và hộ ông Lương Văn D đều không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có các giấy tờ quy định tại khoản 1,2,5 Điều 50/Luật Đất đai năm 2003 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, do vậy việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp số 2374/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại Điều 98/Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Điều 160/Nghị định 181/2004/NĐ - CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

* *Về trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp:*

Ngày 03/02/2013 tổ hòa giải thôn B đã tiến hành hòa giải giữa các hộ tranh chấp nhưng không thành, nên đã chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân thị trấn B. Sau khi nhận được hồ sơ Ủy ban nhân dân thị trấn đã tiến hành tổ chức hòa giải vào ngày 13/3/2013. Thành phần tham gia hòa giải có đại diện Ủy ban nhân dân, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc thị trấn B, trưởng thôn B, tổ trưởng tổ hòa giải thôn B. Kết quả hòa giải không thành nên hồ sơ được chuyển đến Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân huyện đã giao phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tham mưu giải quyết.

Ngày 26/6/2013 phòng Tài nguyên và Môi trường làm việc với hộ ông Lý Văn B. Ngày 01/7/2013 phòng Tài nguyên và Môi trường làm việc với hộ ông Ngọc Đình T và ông Lương Văn D. Ngày 29/7/2013 phòng Tài nguyên và Môi trường làm việc với trưởng thôn B. Ngày 04/9/2013 Ủy ban nhân dân huyện C tổ chức họp liên ngành xem xét, giải quyết tranh chấp đất đai. Ngày 16/10/2013 phòng Tài nguyên và Môi trường tiến hành xem xét giải quyết tranh chấp đất đai. Thành phần gồm: Đại diện phòng Tài nguyên và Môi trường; Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn B; cán bộ địa chính thị trấn B; Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội nông dân thị trấn B; Trưởng thôn B và đại diện hộ ông Lý Văn B, hộ ông Ngọc Đình T và hộ ông Lương Văn D. Ngày 05/12/2013 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp số 2374/QĐ-UBND. Vì vậy khẳng định việc giải quyết tranh chấp đất đai đã được giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 135/Luật Đất đai năm 2003; Điều 159,161/ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành Luật Đất đai.

* *Về nội dung quyết định giải quyết tranh chấp:*

+ Căn cứ pháp lý: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 181/2004/ NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định 84/2007/ NĐ- CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ về quy định bổ sung việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai để giải quyết tranh chấp đất đai giữa các hộ gia đình trên là đúng pháp luật

+ Nội dung tranh chấp: Theo nội dung khởi kiện của ông Lý Văn B, phần trình bày của bà Triệu Thị S và ông Lý Văn S1 thì: Nguồn gốc phân diện tích đất đang tranh chấp hiện nay giữa gia đình ông Lý Văn B với hộ ông Ngọc Đình T và hộ ông Lương Văn D ở thôn B, thị trấn B, huyện C có tổng diện tích là 639m² là do

ông cha của gia đình ông Lý Văn B khai phá làm vườn. Năm 1959, 1960 thực hiện chủ trương của Nhà nước nên gia đình ông Lý Văn B đã nộp vào Hợp tác xã, đến năm 1975 Hợp tác xã khai phá thành hai đám ruộng, mỗi đám khoảng 300m² và giao cho hộ gia đình bà N (mẹ ông Ngọc Đình T) và hộ ông L (bố ông Lương Văn D) canh tác theo hình thức làm ruộng 5%. Đến năm 1990 - 1992 Hợp tác xã giải thể gia đình ông Lý Văn B chưa có nhu cầu sử dụng nên bà N và ông L mượn canh tác từ đó, đến năm 2013 gia đình ông Lý Văn B yêu cầu lấy lại đất thì xảy ra tranh chấp. Quá trình giải quyết tranh chấp ông Lý Văn B đã cung cấp lời khai của người làm chứng là ông Mã Văn P nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã giai đoạn 1959 - 1960 khẳng định nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ ông Lý Văn B khai phá, sau đó đưa vào Hợp tác xã và Hợp tác xã giao cho hộ gia đình ông Ngọc Đình T và ông Lương Văn D làm ruộng phân trăm và Công văn số 14/UBND-VP ngày 05/01/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C, trong công văn đã nói số đất được giải phóng mặt bằng có một phần đất của ông cha ông Lý Văn B.

Hội đồng xét xử thấy: Trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp người khởi kiện và người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng luôn cho rằng diện tích 639m² đất đang tranh chấp là của gia đình ông Lý Văn B nhưng lại không đưa ra được căn cứ pháp lý, hồ sơ, các giấy tờ liên quan để chứng minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất cũng như việc cho hộ ông Ngọc Đình T, ông Lương Văn D mượn đất khi Hợp tác xã giải thể, còn hộ ông Ngọc Đình T và ông Lương Văn D luôn khẳng định: Không có việc mượn đất của gia đình ông Lý Văn B mà việc gia đình các ông canh tác 2 thửa ruộng trên là do Hợp tác xã giao theo hình thức làm ruộng 5%. Công văn số 14/UBND-VP ngày 05/01/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C là công văn về việc thực hiện kiến nghị của Công an tỉnh Bắc Kạn đối với việc thu tiền % của một số hộ dân vào quỹ thôn, trong công văn không có nội dung nào khẳng định: Phân đất đang tranh chấp hiện nay giữa hộ ông Lý Văn B và hộ ông Ngọc Đình T, ông Lương Văn D là thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Lý Văn B. Hơn nữa theo quy định tại khoản 2 Điều 10/Luật Đất đai năm 2003 thì: *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam...”*

và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành Luật Đất đai quy định:

“ Điều 4. Những bảo đảm cho người sử dụng đất

1. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất và không xem xét giải quyết khiếu nại về việc đòi lại đất mà Nhà nước đã giao cho người khác sử dụng theo các chính sách ruộng đất trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trong các trường hợp sau:

a,..

c) Đất đã góp vào hợp tác xã nông nghiệp theo quy định của Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao...”

Từ những quy định của pháp luật nêu trên quá trình giải quyết tranh chấp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã quyết định: *Không chấp nhận việc đòi*

quyền sử dụng đất của hộ ông Lý Văn B đối với thửa đất số 306 và 348, tờ bản đồ số 50, được đo đạc năm 1998 của thị trấn B là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật

Xem xét quá trình sử dụng đất của hộ gia đình ông Ngọc Đình T và ông Lương Văn D, Hội đồng xét xử thấy: Từ năm 1975 – 1976 gia đình ông Ngọc Đình T, ông Lương Văn D được sử dụng đất 5% do hợp tác xã giao và sử dụng ổn định liên tục từ đó đến năm 2013 thì mới xảy ra tranh chấp, cả hai hộ gia đình trên đều có tên trong sổ mục kê đất năm 2000, hộ ông Ngọc Đình T thửa đất số 348, tờ bản đồ số 50, diện tích 236 m²; Hộ ông Lương Văn D thửa đất số 306 tờ bản đồ số 50, diện tích 420m². Năm 2011 khi Nhà nước thu hồi đất để làm đường D - thị trấn B, cả hai thửa đất trên đều bị thu hồi một phần diện tích đất, thửa số 348 bị thu hồi 17 m² diện tích còn lại là 219 m², thửa số 306 bị thu hồi 70 m², hộ ông Ngọc Đình T và ông Lương Văn D là người nhận tiền đền bù (*Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất để xây dựng công trình đường giao thông nông thôn D - thị trấn B*). Quá trình thu hồi đất, nhận tiền đền bù gia đình ông Lý Văn B, bà Triệu Thị S không có ý kiến gì chỉ đến năm 2013 mới xảy ra tranh chấp. Theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ, căn cứ vào quá trình sử dụng đất của hộ ông Ngọc Đình T, ông Lương Văn D Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C đã quyết định: *Hộ ông Ngọc Đình T được sử dụng 219m² đất chuyên trồng lúa nước tại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 50 đo đạc năm 1998; Hộ ông Lương Văn D được sử dụng 420m² đất chuyên trồng lúa nước tại thửa đất số 306, tờ bản đồ số 50 đo đạc năm 1998 là có căn cứ, đúng pháp luật.*

Từ những phân tích trên khẳng định: Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Lý Văn B với hộ ông Ngọc Đình T và hộ ông Lương Văn D là đúng pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các quy định của Luật tố tụng hành chính để xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Do vậy đơn kháng cáo của bà Triệu Thị S, ông Lý Văn S1 không có căn cứ để xem xét. Cần bác kháng cáo.

Tuy nhiên theo quy định tại Điều 163/Luật tố tụng hành chính về **Thẩm quyền của Hội đồng xét xử** thì:

“1. Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính...

2. Hội đồng xét xử có quyền quyết định:

a, Bác yêu cầu khởi kiện, nếu yêu cầu đó không có căn cứ pháp luật;

b, Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật...”

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là đúng pháp luật, yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ nên đã bác yêu cầu của người khởi kiện là đúng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại “**giữ nguyên**” Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là vượt quá phạm vi về thẩm quyền của Hội đồng xét xử. Khi giải quyết tranh chấp Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ vào Luật Đất đai 2003 (*đang có hiệu lực pháp luật*) và các văn bản hướng dẫn để giải quyết nhưng khi xem xét

tính hợp pháp của Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào Luật Đất đai 2013 (có hiệu lực pháp luật từ 1/7/2014) là chưa chính xác, quyết định của bản án sơ thẩm không áp dụng các quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai là thiếu sót. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần phải sửa bản án sơ thẩm về những nội dung trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 205/Luật tố tụng hành chính: Bác đơn kháng cáo của bà Triệu Thị S, ông Lý Văn S1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 205/Luật tố tụng hành chính; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của bà Triệu Thị S, ông Lý Văn S1;

2. Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HC-ST ngày 25/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* Áp dụng: Điều 28,29,103,104,163/Luật tố tụng hành chính. Luật tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Luật Đất đai năm 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ về quy định bổ sung việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

* Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn B về việc hủy quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 05/12/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Lý Văn B với hộ ông Ngọc Đình T và hộ ông Lương Văn D cùng trú tại thôn B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* Án phí: Ông Lý Văn B phải chịu 200.000^d án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Lý Văn B đã nộp theo biên lai thu số 05575 ngày 25/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà Triệu Thị S, ông Lý Văn S1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà bà Triệu Thị S, ông Lý Văn S1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 05720 ngày 17/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

“Trò hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND tỉnh Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa**

Vi Thị Tuyết Mai